

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 2 năm 2012 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư.
4. **Tổng số nhân viên** : 381
5. **Công ty con** : bao gồm:

- Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.

+ Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư.

+ Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)

- Quỹ đầu tư thành viên SSI được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư của Quỹ: đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản

+ Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng (sở hữu 80%)

+ Thời gian hoạt động của quỹ: 31 năm

- Công ty Quốc tế SSI (SSI International Corp.) được thành lập ngày 27/08/2009 theo số đăng ký SRV 090813396 – 4724807 tại Bang Delaware, Mỹ và theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31/08/2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ

+ Vốn đầu tư: tối đa 18,5 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty là 80% vốn, và là sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ đầu tư thành viên SSI.

+ Thời gian hoạt động: 30 năm

6. **Công ty liên kết**: bao gồm:

Quỹ Tầm Nhìn SSI:

Trong năm 2007, công ty đã đầu tư vào quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Trong quý 4 năm 2010, công ty cũng đã đầu tư thêm 160 tỷ đồng Việt Nam mệnh giá vào Quỹ, như vậy chiếm 37,94% tổng giá trị vốn góp của quỹ đến thời điểm 30/06/2012. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và được chấp thuận thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 8 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến tre (ABT):

Tại thời điểm ngày 30/06/2012 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến tre là 139.825.846.605 đồng, chiếm 28.58% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ABT và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 30/9/2011. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến tre là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ABT là 136.072.070.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Chế biến xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu vật tư hàng hóa, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh nhà hàng và dịch vụ.

Công ty CP Thủy Sản Hùng Vương (HVG):

Tại thời điểm ngày 30/06/2012 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Thủy Sản Hùng Vương là 390.894.771.116 đồng, chiếm 20.01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của HVG và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Thủy Sản Hùng Vương là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của HVG là 659.980.730.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản, Sản xuất thức ăn (thủy sản, chăn nuôi), Kinh doanh kho lạnh.

Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN):

Tại thời điểm ngày 30/06/2012 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuyên Thái Bình là 36.959.030.246 đồng, chiếm 20.88% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PAN là 115.500.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch. Cho thuê xe ô tô; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán quần áo; Đại lý ký gởi hàng hóa; Dịch vụ tin học: tư vấn lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính; Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL):

Tại thời điểm ngày 30/06/2012 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là 80.135.971.584 đồng, chiếm 20.12% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIL, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của GIL là 133.245.880.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư... Dịch vụ thương mại và cầm đồ, Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc, Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC):

Tại thời điểm ngày 30/06/2012 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Trung ương là 71.633.634.434 đồng, chiếm 20.05% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của NSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Trung ương là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của NSC là 82.561.610.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, kinh doanh, XNK các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp, Sản xuất, kinh doanh, XNK các loại nông sản, vật tư thiết bị nông nghiệp, Chế biến, kinh doanh nông sản, Kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ du lịch, Đại lý bán buôn bán lẻ hàng hóa và kinh doanh xăng dầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC):

Tại thời điểm ngày 30/06/2012 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là 94.205.953.911 đồng, chiếm 20.16% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của SSC là 149.923.670.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, XNK giống cây trồng các loại, Sản xuất, kinh doanh, XNK nông sản, vật tư nông nghiệp, Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, XNK các loại máy móc thiết bị chế biến hạt giống và nông sản, Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF):

Tại thời điểm ngày 30/06/2012 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là 44.497.769.843 đồng, chiếm 20.02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của LAF và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của LAF là 147.280.190.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm chế biến từ hạt điều.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau thuế quý 2/2012 của Công ty lãi **69.386.995.013** đồng, tăng hơn 48 lần so với cùng kỳ quý 2/2011 do các nguyên nhân sau:

- + Khối lượng giao dịch và thị giá chứng khoán tăng nên doanh thu môi giới tăng
- + Doanh thu từ các công ty liên kết trong quý 2/2012 cũng tăng đáng kể so với quý 2/2011
- + Xu hướng tăng tích cực của thị trường nên chi phí dự phòng thấp hơn chi phí dự phòng của quý 2/2011.

So sánh với quý 1/2012 liền kề thì lợi nhuận sau thuế quý 2/2012 giảm, lợi nhuận chỉ bằng 37% lợi nhuận sau thuế quý 1/2012 do tình hình thị trường quý 2/2012 giảm mạnh so với quý 1/2012 trong đó chi phí dự phòng OTC chiếm tỷ trọng lớn, và khoản hoàn nhập chi phí dự phòng chứng khoán niêm yết trong quý 2/2012 không đáng kể như quý 1/2012.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Bất động sản đầu tư	20 năm

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

9. Đầu tư vào các công ty, quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể (Công ty liên kết)

Các khoản đầu tư vào các công ty, quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của quỹ đầu tư.

Các báo cáo tài chính của các công ty, quỹ đầu tư có ảnh hưởng đáng kể được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

10. Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

14. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

18. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
<i>Quý 2 Năm 2012</i>						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	37.927.860.253	98.464.922.671	109.456.914.853	4.079.367.734	10.101.053.954	260.030.119.465
2. Các chi phí trực tiếp	11.040.342.960	95.967.251.690	40.967.985.380	424.799.628	597.837.085	148.998.216.743
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	31.067.158.612	5.799.640.166	3.119.088.460	5.744.867.393	7.398.167.905	53.128.922.537
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(4.179.641.319)	(3.301.969.185)	65.369.841.013	(2.090.299.287)	2.105.048.964	57.902.980.185
<i>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012</i>						
1. Tài sản bộ phận	1.361.463.126.777	3.897.515.890.942	2.626.209.334.459	377.664.069	4.389.620.688	7.889.955.636.935
2. Tài sản phân bổ	121.086.483.109	15.670.015.461	4.273.640.580	15.670.015.461	22.080.476.332	178.780.630.944
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	160.200.122.764
Tổng tài sản	1.482.549.609.886	3.913.185.906.403	2.630.482.975.039	16.047.679.530	26.470.097.020	8.228.936.390.643
1. Nợ phải trả bộ phận	846.428.793.867	357.254.285.931	1.443.427.768.708	-	6.585.124.935	2.653.695.973.441
2. Nợ phân bổ	58.795.265.077	7.608.799.010	2.075.127.003	7.608.799.010	10.721.489.514	86.809.479.614
3. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	419.265.521.411
Tổng công nợ	905.224.058.944	364.863.084.941	1.445.502.895.711	7.608.799.010	17.306.614.449	3.159.770.974.466

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	278.036.979	152.163.551
Tiền gửi ngân hàng	954.308.730.028	729.943.429.280
<i>Trong đó :</i>		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	853.619.196.861	601.838.543.283
Các khoản tương đương tiền	1.610.000.000.000	1.215.669.218.716
Cộng	2.564.586.767.007	1.945.764.811.547

2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
		Tăng	Giảm	
I. Chứng khoán thương mại	762.538.400.177		(215.844.271.707)	546.694.128.470
Cổ phiếu Niêm yết	617.715.400.177		(175.058.921.707)	442.656.478.470
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	93.173.000.000		(40.785.350.000)	52.387.650.000
Trái phiếu	51.650.000.000		-	51.650.000.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác	1.057.698.049.028		-	1.057.698.049.028
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	856.526.649.028		-	856.526.649.028
- Đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	201.171.400.000		-	201.171.400.000
III. Chứng khoán đầu tư	1.026.354.407.985		(93.727.538.445)	932.626.869.540
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.026.354.407.985		(93.727.538.445)	932.626.869.540
Cổ phiếu Niêm yết	243.639.013.490		(42.999.260.189)	200.639.753.301
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	87.791.294.400		(19.078.845.379)	68.712.449.021
Trái phiếu	694.924.100.095		(31.649.432.877)	663.274.667.218
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-		-	-
IV. Đầu tư góp vốn	1.300.050.875.691		-	1.300.050.875.691
- Vốn góp liên doanh, liên kết	1.300.050.875.691		-	1.300.050.875.691
V. Đầu tư tài chính khác	548.616.990.000		(77.718.100.000)	470.898.890.000
- Đầu tư dài hạn khác	548.616.990.000		(77.718.100.000)	470.898.890.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ**

Cổ phiếu	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
VHL	14.859.898.103	(6.787.996.104)	8.071.901.999
VFMVF4	124.687.062.241	(53.555.812.241)	71.131.250.000
ELC	75.721.683.762	(24.132.783.762)	51.588.900.000
TMT	65.813.021.526	(52.545.372.241)	13.267.649.285
SVC	48.923.875.770	(26.671.403.771)	22.252.471.999
Cổ phiếu khác	46.601.012.557	(11.365.553.588)	35.235.458.969
Cộng niêm yết	376.606.553.959	(175.058.921.707)	201.547.632.252
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	53.000.000.000	(34.810.000.000)	18.190.000.000
Cổ phiếu khác	9.918.000.000	(5.975.350.000)	3.942.650.000
Cộng chưa niêm yết	62.918.000.000	(40.785.350.000)	22.132.650.000
Tổng cộng	439.524.553.959	(215.844.271.707)	223.680.282.252

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:

Cổ phiếu	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
DCC	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
PDN	38.486.340.864	(16.132.337.164)	22.354.003.700
HAG	58.955.812.524	(12.369.517.729)	46.586.294.795
Cổ phiếu khác	125.855.467.407	(6.958.197.522)	118.897.269.888
Cộng niêm yết	234.622.293.569	(42.999.260.189)	191.623.033.380
DCV	15.200.000.000	(12.189.600.000)	3.010.400.000
Các cổ phiếu khác	66.654.814.400	(6.889.245.379)	59.765.569.021
Cộng chưa niêm yết	81.854.814.400	(19.078.845.379)	62.775.969.021
Trái phiếu Vinashin	63.298.865.753	(31.649.432.877)	31.649.432.876
Trái phiếu	63.298.865.753	(31.649.432.877)	31.649.432.876
Tổng cộng	379.775.973.722	(93.727.538.445)	286.048.435.277

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :

Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai	523.617.000.000	77.002.500.000)	446.614.500.000
Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	10.000.000.000	(715.600.000)	9.284.400.000
Cộng niêm yết	533.617.000.000	(77.718.100.000)	455.898.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ (%)	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Quỹ tầm nhìn SSI	595.496.200.557	491.259.313.398	483.846.448.559	37.94%	37.94%
Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre	139.825.846.605	118.252.139.872	112.461.220.086	28.58%	27.24%
Công ty CP Hùng Vương	390.894.771.116	438.857.089.460	410.758.104.260	20.01%	20.00%
Công ty CP Xuyên Thái Bình	36.959.030.246	55.594.387.641	54.939.092.152	20.88%	20.48%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	80.135.971.584	75.507.501.306		20.12%	20.01%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	71.633.634.434	49.591.549.336		20.05%	20.03%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94.205.953.911	50.817.436.761		20.16%	20.11%
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	44.497.769.843	20.171.457.917		20.02%	20.00%
Cộng	1.453.649.178.296	1.300.050.875.691	1.062.004.865.057		

4. Lợi thế thương mại:

- **Lợi Thế thương mại dương:** Phần chênh lệch giữa giá gốc các khoản đầu tư vào công ty liên kết ABT, SSC, NSC, LAF HVG, GIL (ban đầu và mua thêm) và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần đã được ghi nhận vào lợi thế thương mại và được phân bổ trong 36 tháng.

Giá trị lợi thế thương mại : 124.940.814.384
Số phân bổ lũy kế đến cuối kỳ: (12.056.133.908)
Số còn phân bổ cuối kỳ : 112.884.680.476

5. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	10.660.972.580	14.423.668.784
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	3.395.292.125	5.858.762.426
Tổng Cộng	14.056.264.705	20.282.431.210

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)**

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	12.513.859.767
Tiền lãi phân bổ hàng năm	2.469.052.029
Tổng Cộng	14.982.911.796

7. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	2.609.391.520	76.460.915.559	16.875.816.403	1.909.158.397	97.855.281.879
Tăng trong kỳ	-	293.126.000	-	-	293.126.000
Mua trong kỳ	-	293.126.000	-	-	293.126.000
Giảm trong năm	-	(1.174.801.018)	(3.707.609.000)	(31.900.000)	(4.914.310.018)
Bán thanh lý	-	(1.174.801.018)	(3.707.609.000)	(31.900.000)	(4.914.310.018)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 06 năm 2012	2.609.391.520	75.579.240.541	13.168.207.403	1.877.258.397	93.234.097.861
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.304.380.617	47.932.951.186	11.432.710.893	1.516.344.844	62.186.387.540
Tăng trong kỳ	224.634.576	6.445.383.722	1.025.212.963	135.689.916	7.830.921.177
Khấu hao	224.634.576	6.445.383.722	1.025.212.963	135.689.916	7.830.921.177
Giảm trong kỳ	-	(894.588.101)	(3.338.023.922)	(31.900.000)	(4.264.512.023)
Bán thanh lý	-	(894.588.101)	(3.338.023.922)	(31.900.000)	(4.264.512.023)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 06 năm 2012	1.529.015.193	53.483.746.807	9.119.899.934	1.620.134.760	65.752.796.694
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.305.010.903	28.527.964.373	5.443.105.510	392.813.553	35.668.894.339
Ngày 30 tháng 06 năm 2012	1.080.376.327	22.095.493.734	4.048.307.469	257.123.637	27.481.301.167

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Bất động sản đầu tư: (đơn vị tính: VNĐ)**

Đây là giá trị các toà nhà mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	282.497.013.600	282.497.013.600
Khấu hao	12.191.570.065	7.109.857.997
Giá trị còn lại	270.305.443.535	275.387.155.603

9. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	42.868.697.151	109.671.558.000	1.656.576.688	154.196.831.839
Tăng trong kỳ	355.833.000	-	-	355.833.000
Mua mới	355.833.000	-	-	355.833.000
Phân loại lại	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Bán thanh lý	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 06 năm 2012	43.224.530.151	109.671.558.000	1.656.576.688	154.552.664.839
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	24.101.559.972	-	1.554.075.004	25.655.634.976
Tăng trong kỳ	5.011.873.028	-	20.660.448	5.032.533.476
Khấu hao	5.011.873.028	-	20.660.448	5.032.533.476
Phân loại lại	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 06 năm 2012	29.113.433.000	-	1.574.735.452	30.688.168.452
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	18.767.137.179	109.671.558.000	102.501.684	128.541.196.863
Ngày 30 tháng 06 năm 2012	14.111.097.151	109.671.558.000	81.841.236	123.864.496.387

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VND)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	493.429.065.955	291.054.053.897
- Phải thu KH về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	233.814.989.823	103.770.474.680
- Phải thu KH về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	75.980.681.815	157.185.719.632
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	176.724.626.580	26.751.833.547
- Phải thu phí tư vấn	4.389.620.686	2.323.014.127
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	377.664.069	625.397.883
- Phải thu khác	2.141.482.982	397.614.028
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	8.486.893	677.728
- Phải thu sở giao dịch	8.486.893	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	677.728
3. Phải thu khác	247.069.702.926	122.281.746.055
- Phải thu theo cam kết mua và bán lại chứng khoán	24.005.000.000	54.005.000.000
- Phải thu tổ chức phát hành	56.815.349.805	51.594.391.003
- Lãi tiền gửi ngân hàng	39.682.685.431	6.586.311.679
- Phải thu khách hàng về phí dịch vụ hợp đồng HTĐTCK	804.598.000	4.755.760.362
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu	120.000.000.000	-
- Phải thu BHXH	-	75.982.084
- Phải thu khác	5.762.069.689	5.264.300.927

11. Vay và nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (*)	80.000.000.000	-
Vay thấu chi ngân hàng (**)	79.996.696.244	-
Tổng cộng	159.996.696.244	-

(*) Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) với kỳ hạn 9 ngày và mức lãi suất 9%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là hợp đồng tiền gửi trị giá 100 tỷ của Công ty tại Eximbank, kỳ hạn của hợp đồng tiền gửi là một tháng, lãi suất là 9%/năm.

(**) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") được đảm bảo bởi giá trị của hai (02) Hợp đồng tiền gửi trị giá 100 tỷ tại BIDV với kỳ hạn là ba tháng, lãi suất là 11%/năm. Tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng là 12%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	11.245.506.411	2.223.755.828

13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	2.101.857.129	2.159.660.934
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả, hợp đồng đặt cọc trái phiếu	22.655.468.542	1.579.498.264
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	7.989.844.004	260.000.000
Phải trả khác	4.978.807.705	2.183.164.355
Tổng Cộng	37.725.977.380	6.182.323.553

14. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.166.569.750	4.933.308.001
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	340.395.300.000	45.180.000.000
Phí quản lý Quỹ tầm nhìn SSI	-	6.269.545.468
Cộng	344.561.869.750	56.382.853.469

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	256.949.888	378.513.020
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.628.660.977	-
Thuế Thu nhập cá nhân	1.052.299.346	2.748.793.957
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	941.715.738	411.411.930
Các loại thuế khác	1.180.893.959	2.103.675.109
Cộng	44.060.519.908	5.642.394.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành 6 tháng năm 2012:**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	263.031.606.133
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(43.716.274.880)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31/12/2011	(45.025.264.646)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30/06/2012	169.231.728.239
- Lợi nhuận các công ty con	(15.086.848.077)
- Lãi từ công ty liên kết	(72.228.666.563)
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi hợp nhất	121.785.152.451
- Chuyển lỗ năm 2011 vào năm 2012	(90.322.087.227)
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	287.669.345.431
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp 6 tháng năm 2012</i>	71.917.336.362
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp 6 tháng năm 2012 tại công ty con</i>	3.871.706.464
<i>Tổng cộng thuế TNDN ước tính phải nộp 6 tháng năm 2012</i>	75.789.042.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	34.905.607	-
Hợp đồng mua bán chứng khoán	411.392.760.000	155.589.925.000
Phải trả HĐ Hợp tác kinh doanh	91.477.121.774	204.905.766.183
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	11.283.175.890	13.175.868.406
Phải trả NĐT - ký quỹ ngắn hạn	760.367.200.000	4.685.000.000
Phải trả mua chứng khoán của danh mục ủy thác	-	36.356.801.104
Các khoản khác	2.013.863.096	1.965.957.671
Tổng Cộng	1.276.569.026.367	416.679.318.364

17. Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông SSI	351.920.446.250	2.430.992.250
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	3.478.002.919	4.045.926.173
Cộng	355.398.449.169	6.476.918.423

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.526.117.420.000	383.614.879	340.921.476.378	(88.591.286.000)	289.383.181.436	1.012.450.891.924	5.080.665.298.617
Điều chỉnh lại thuế TNDN phải nộp theo quyết toán thuế năm 2010	-	-	-	-	-	(182.594.264)	(182.594.264)
Trích cổ tức năm 2011 - theo Nghị Quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2012						(349.564.842.000)	(349.564.842.000)
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ	-	1.849.969.383	-	-	-	-	1.849.969.383
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30.06.2012	-	-	-	-	-	254.492.683.454	254.492.683.454
Mua cổ phiếu quỹ				(654.900.000)			(654.900.000)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	3.526.117.420.000	2.233.584.262	340.921.476.378	(89.246.186.000)	289.383.181.436	917.196.139.114	4.986.605.615.191

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM chấp thuận cho công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn mua lại 3.000.000 Cổ Phiếu SSI làm cổ phiếu quỹ theo Công văn số 2235/2010/SGDHCM-NY ngày 01/12/2010 và theo công văn số 434/2012/SGDHCM-NY ngày 14/3/2012 cho phép công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty và sửa lỗi giao dịch tổng cộng là 46.900 cổ phiếu. Đến thời điểm 30/06/2012 tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ là 3.046.900 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Cổ tức	35.271.314.180	25.411.143.177
Trái tức	18.073.404.789	20.770.818.340
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	7.735.734.328	18.512.468.234
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	8.171.541.749	12.284.609.988
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	3.333.777	37.672.601
Tổng cộng	69.255.328.823	77.016.712.340

20. Chi tiết doanh thu khác

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Lãi tiền gửi	90.293.302.212	71.280.318.706
Doanh thu phí ứng trước	3.377.782.576	1.105.595.825
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	9.180.375.450	-
Doanh thu phí từ dịch vụ tài chính	6.057.013.436	28.368.511.058
Doanh thu khác	548.441.179	16.674.062.997
Tổng cộng	109.456.914.853	117.428.488.586

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Chi phí môi giới chứng khoán	8.207.940.921	5.976.516.788
Chi phí tự doanh chứng khoán	15.984.094.479	9.717.144.442
Chi phí hoạt động tư vấn	-	109.800.000
Chi phí dự phòng	79.948.802.909	123.326.363.042
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	40.860.583.299	15.310.304.141
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	57.377.597.302	70.353.594.853
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>25.833.118.888</i>	<i>31.414.965.598</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>654.268.751</i>	<i>640.379.866</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>9.262.945.803</i>	<i>7.298.859.073</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>6.735.433.769</i>	<i>8.728.234.441</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>14.147.475.027</i>	<i>21.921.875.877</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>744.355.064</i>	<i>349.279.998</i>
Tổng Cộng	202.379.018.910	224.793.723.266

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 2/2012	Quý 2/2011
Chi phí nhân viên	2.516.149.320	2.312.621.297
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.606.250	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.096.000	331.075.000
Tổng Cộng	2.979.851.570	2.727.302.547

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Nghiệp vụ với các bên có liên quan (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết
Công ty TNHH NDH Media	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty CP Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông chiến lược

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các khoản phải thu:**

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải thu
Quỹ Tầm nhìn SSI				
Phí môi giới	-	702.957.878	702.957.878	-
Góp vốn theo phương pháp vốn chủ	490.926.168.357	333.145.041	-	491.259.313.398
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI				
Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	120.000.000.000	100.000.000.000	20.000.000.000
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Góp vốn theo phương pháp vốn chủ	53.651.710.515	1.942.677.126	-	55.594.387.641
Phí môi giới và phí ứng trước	-	344.986.496	344.986.496	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	200.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Phí tư vấn môi giới mua bán TP	-	3.387.500.000	2.387.500.000	1.000.000.000
NH ANZ Việt Nam				
Tiền gửi của nhà đầu tư	215.128.171	3.503.175.039	3.712.621.716	5.681.494
Tiền gửi của công ty	234.843.066	7.277.447.689	5.793.770.367	1.718.520.388
Công ty CP Thủy sản Bến Tre				
Góp vốn theo phương pháp vốn chủ	117.823.631.053	5.147.103.819	4.718.595.000	118.252.139.872
Phí môi giới và phí ứng trước		164.771.284	164.771.284	
Tiền hợp tác kinh doanh (cho vay)	126.377.759	52.719.042.230	44.986.428.216	7.858.991.773
Lãi hợp tác kinh doanh (cho vay)	-	11.447.750	9.305.383	2.142.367
Cty CP Hùng Vương				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	422.116.462.126	29.693.965.334	12.953.338.000	438.857.089.460
Phí giao dịch chứng khoán		1.994.075	1.994.075	
Cty CP SX-KD-XNK Bình Thạnh				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	72.133.516.001	8.209.437.304	4.835.452.000	75.507.501.305
Cty CP Giồng cây trồng Trung ương				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	44.123.794.525	5.467.754.811	-	49.591.549.336
Cty CP Giồng cây trồng Miền Nam				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	48.667.201.025	2.150.235.736	-	50.817.436.761
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	-	20.171.457.917	-	20.171.457.917

Các khoản phải trả:

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI				
Hợp tác kinh doanh	1.200.000.000	102.457.746.944	103.657.746.944	-
Lãi hợp tác kinh doanh	5.200.000	17.608.823	22.808.823	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	36.730.000.000	-	36.730.000.000	-
Lãi tiền đặt cọc môi giới	468.908.334	357.535.639	826.443.973	-
Công ty TNHH NDH Media				
Hợp tác kinh doanh	-	507.232.795	-	507.232.795
Lãi hợp tác kinh doanh	-	31.318.729	27.232.687	4.086.042
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	279.850.300	210.362.200	69.488.100

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 2/2012 là 2.467.221.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

24. Số liệu so sánh:

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2012 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, có sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do đó một số số liệu đầu năm đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính

TPHCM, ngày 15 tháng 08 năm 2012

Người Lập Biểu

Kế Toán Trưởng

P. Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Hải Anh

Hoàng Thị Minh Thủy

Nguyễn Hồng Nam

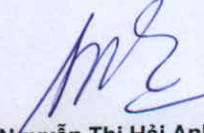


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 2		LUY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1	Doanh thu	01	230,820,525,618	245,089,638,436	395,244,424,700	477,217,933,909
	Trong đó:					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		36,620,795,004	22,243,055,715	65,261,044,905	48,937,136,197
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		69,255,328,823	77,016,712,340	110,887,898,096	134,442,196,024
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-	-	6,420,000,000
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-	5,061,000	-
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ		4,079,367,734	6,263,792,174	11,025,497,762	13,728,997,332
	Doanh thu hoạt động tư vấn		5,993,322,277	20,590,578,617	15,693,987,854	32,168,698,075
	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1,307,065,249	376,197,411	2,480,492,326	528,101,955
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		4,107,731,678	1,170,813,593	6,477,883,526	1,847,024,989
	Doanh thu khác		109,456,914,853	117,428,488,586	183,412,559,231	239,145,779,337
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	5,850,000
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	230,820,525,618	245,089,638,436	395,244,424,700	477,212,083,909
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	202,379,018,910	224,793,723,266	203,740,332,146	495,727,285,591
	Trong đó:					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	122,430,216,001	101,467,360,224	287,260,591,917	197,171,731,075
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	79,948,802,909	123,326,363,042	(83,520,259,771)	298,555,554,516
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	28,441,506,708	20,295,915,170	191,504,092,554	(18,515,201,682)
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,979,851,570	2,727,302,547	4,948,191,534	11,117,758,302
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	25,461,655,138	17,568,612,623	186,555,901,020	(29,632,959,984)
8	Thu nhập khác	31	3,392,831,864	118,598,530	4,904,633,215	209,314,391
9	Chi phí khác	32	161,100,664	26,223	657,594,664	38,740
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	3,231,731,200	118,572,307	4,247,038,551	209,275,651
11	Lợi nhuận từ các công ty liên kết	50	29,209,593,848	(6,618,751,367)	72,228,666,563	(58,678,113,545)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60	57,902,980,186	11,068,433,563	263,031,606,134	(88,101,797,878)
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	39,424,839,187	2,308,364,141	75,789,042,827	4,935,574,776
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(50,861,301,702)	3,680,931,221	(67,303,811,442)	3,759,094,698
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61-62)	70	69,339,442,701	5,079,138,201	254,546,374,749	(96,796,467,352)
15.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(47,552,312)	3,680,931,221	53,691,296	3,759,094,698
15.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		69,386,995,013	1,398,206,980	254,492,683,453	(100,555,562,050)
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80				

Người Lập Biểu


Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - 6 tháng năm 2012	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,526,117,420,000	-	-	3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	-	-	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		383,614,879	2,917,168,656	1,067,199,273	2,233,584,262
4. Cổ phiếu quỹ		(88,591,286,000)	(654,900,000)	-	(89,246,186,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289,383,181,436	-	-	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,012,450,891,924	254,492,683,453	349,747,436,263	917,196,139,114
Cộng		5,080,665,298,617	256,754,952,109	350,814,635,536	4,986,605,615,190

CHỈ TIÊU - 6 tháng năm 2011	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,511,117,420,000	-	-	3,511,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	-	-	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(12,365,677,000)	(76,225,609,000)	-	(88,591,286,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		220,524,469,842	68,858,711,594	-	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,399,114,338,962	1,929,271,735	568,227,113,761	832,816,496,936
Cộng		5,459,312,028,182	(5,437,625,671)	568,227,113,761	4,885,647,288,750

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012

P. Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	263,031,606,134	(88,101,797,879)
2.	Điều chỉnh cho các khoản:		(170,505,201,068)	313,141,495,124
-	Khấu hao tài sản cố định	02	17,945,166,721	11,882,336,349
-	Các khoản lập dự phòng	03	(83,520,259,771)	304,489,801,091
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(7,383,416,586)
-	Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(105,764,552,462)	(14,038,336,889)
-	Chi phí lãi vay	06	834,444,444	18,191,111,109
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	92,526,405,066	225,039,697,245
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(142,588,832,561)	281,665,650,347
-	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(817,359,742,700)	879,551,843,852
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1,261,181,476,011	11,580,977,088
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12	6,812,525,515	9,717,249,089
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(814,816,548)	(80,528,178,876)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31,995,250,810)	(19,800,576,916)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	200,426,722	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13,348,498,999)	(26,817,776,977)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	354,613,691,696	1,280,408,884,852
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1,381,065,549)	(166,758,222,921)
2.	Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,665,760,606	669,818,172
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(12,500,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	(239,888,995,397)	(111,574,201,372)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28	231,211,800,419	159,070,102,101
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29	107,334,355,441	80,017,044,405
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	98,941,855,520	(51,075,459,615)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		6,000,000,000	-
3. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(654,900,000)	(85,816,286,000)
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	259,996,696,244	60,000,000,000
5. Trả lại vốn ủy thác cho người ủy thác đầu tư	34	-	-
6. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	(100,000,000,000)	(2,030,000,000,000)
7. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36	-	-
8. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	(75,388,000)	(188,955,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	165,266,408,244	(2,056,005,241,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	618,821,955,460	(826,671,815,763)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,945,764,811,547	2,969,211,607,544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	7,383,416,586
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2,564,586,767,007	2,149,923,208,367

Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		4,909,098,817,550	3,223,900,965,471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,564,586,767,007	1,945,764,811,547
1. Tiền	111	VI.01	954,586,767,007	730,095,592,831
Trong đó :				
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			853,619,196,861	601,838,543,283
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,610,000,000,000	1,215,669,218,716
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,604,392,177,498	869,367,192,516
1. Đầu tư ngắn hạn	121	VI.02	1,820,236,449,205	1,053,037,748,335
2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư			-	119,452,989,696
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	VI.02	(215,844,271,707)	(303,123,545,515)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		733,816,015,610	397,623,486,933
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.10	493,429,065,957	291,054,053,897
2. Trả trước cho người bán	132	VI.12	11,245,506,411	2,223,755,828
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.10	8,486,893	677,728
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.10	247,069,702,924	122,281,746,055
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(17,936,746,575)	(17,936,746,575)
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,303,857,435	11,145,474,475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,018,626,300	5,334,439,840
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77,527,905	85,921,890
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	3,347,725,304
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,207,703,230	2,377,387,441



Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		3,319,837,573,092	3,283,612,233,383
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		152,264,346,794	165,128,640,442
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.07	27,481,301,167	35,668,894,339
<i>Nguyên giá</i>	222		93,234,097,861	97,855,281,879
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(65,752,796,694)	(62,186,387,540)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.09	123,864,496,387	128,541,196,863
<i>Nguyên giá</i>	228		154,552,664,839	154,196,831,839
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(30,688,168,452)	(25,655,634,976)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		918,549,240	918,549,240
III. Bất động sản tư	240	VI.08	270,305,443,535	275,387,155,603
<i>Nguyên giá</i>	241		282,497,013,600	282,497,013,600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(12,191,570,065)	(7,109,857,997)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,816,461,315,707	2,795,408,637,136
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,412,935,556,167	1,084,449,892,080
<i>Giá trị thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết liên doanh</i>		VI.03	1,300,050,875,691	1,062,004,865,058
<i>Lợi thế TM của khoản đầu tư vào công ty liên kết liên doanh</i>		VI.04	112,884,680,476	22,445,027,022
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		1,026,354,407,985	1,128,856,979,464
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1,026,354,407,985	1,128,856,979,464
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	548,616,990,000	749,788,390,000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(171,445,638,445)	(167,686,624,408)
V. Tài sản dài hạn khác	260		80,806,467,056	47,687,800,202
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.05	14,056,264,705	20,282,431,210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		45,611,128,545	8,330,545,610
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.06	14,982,911,796	12,889,932,650
4. Tài sản dài hạn khác	268		6,156,162,010	6,184,890,732
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8,228,936,390,642	6,507,513,198,854

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,159,770,974,466	1,350,341,790,438
I. Nợ ngắn hạn	310		3,142,057,649,099	1,180,434,253,286
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.11	159,996,696,244	-
2. Phải trả người bán	312		2,057,007,527	2,844,837,415
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	344,561,869,750	73,489,828,832
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	44,060,519,908	5,642,394,016
5. Phải trả người lao động	315		19,057,275	19,057,374
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	37,725,977,380	6,182,323,553
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.16	1,276,569,026,367	416,679,318,364
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		842,948,166,680	577,727,624,842
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.17	355,398,449,169	6,476,918,423
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		605,427,160	605,427,160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		76,877,999,639	90,064,800,637
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1,237,452,000	701,722,670
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17,713,325,367	169,907,537,152
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,181,103,185	577,091,185
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn			-	122,504,095,276
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		13,569,643,486	43,592,871,995
7. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2,962,578,696	3,233,478,696
8. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
11. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.18	4,986,605,615,190	5,080,665,298,617
I. Vốn chủ sở hữu	410		4,986,605,615,190	5,080,665,298,617
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,526,117,420,000	3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		340,921,476,378	340,921,476,378
3. Vốn khác (chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ)	413		2,233,584,262	383,614,879
4. Cổ phiếu quỹ	414		(89,246,186,000)	(88,591,286,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		289,383,181,436	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		917,196,139,114	1,012,450,891,924
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	430		82,559,800,986	76,506,109,799
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400+430)	440		8,228,936,390,642	6,507,513,198,854

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

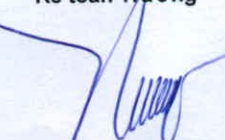
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		12,131,372,150,000	12,020,499,450,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		10,897,221,200,000	10,468,549,880,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		744,972,070,000	442,902,530,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		8,559,712,000,000	8,440,746,120,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1,592,537,130,000	1,584,901,230,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		331,483,110,000	427,008,780,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		300,000,000	1,000,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		325,638,110,000	420,463,780,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		5,545,000,000	5,545,000,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		670,531,340,000	947,988,450,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		670,531,340,000	947,988,450,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		222,700,880,000	168,833,120,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		2,520,600,000	401,000,000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		215,889,580,000	167,869,720,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		4,290,700,000	562,400,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		9,435,620,000	8,119,220,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		4,940,700,000	3,962,860,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		4,494,920,000	4,156,360,000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		390,193,670,000	303,065,520,000
Trong đó:				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		350,324,920,000	302,130,730,000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		7,213,030,000	31,250,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		322,646,180,000	291,003,630,000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		20,465,710,000	11,095,850,000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		7,995,000,000	405,190,000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1,000,000,000	-
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		6,995,000,000	405,190,000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		-	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		31,830,750,000	309,600,000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		31,830,750,000	309,600,000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		43,000,000	220,000,000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		43,000,000	220,000,000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu


Nguyễn Thị Hải Anh

Kế toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thuỷ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2012

P. Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nam